

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/DS-ST

Ngày 25-01-2022

V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh, vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng;

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh, vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng D – sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn T – sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2021, tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Hồng D trình bày:

Bà là chủ hội, bà Ánh (mẹ của bà N) là hội viên, bà có mở dây hội vào ngày 25 tháng 7 năm 2018 có 30 chung, dây hội này bà Ngô Thị Ánh là có tham gia một chung, loại hội 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai hội một lần, bà Ánh đã hót hội hội vào kỳ hội thứ năm và tiếp tục đóng hội chết được 7 kỳ nữa thì không tiếp tục đóng hội chết cho đến nay, dây hội hiện đã mất và bà Ánh có nợ lại bà 17 kỳ hội chết với số tiền là 5.000.000 đồng x 17 kỳ = 85.000.000 đồng. Đối với số tiền nợ này, bà N là con của bà Ánh đứng ra bảo lãnh việc trả nợ thay cho bà Ánh, bà N đã trả được cho

bà 4 lần với số tiền là 20.000.000 đồng nên hiện vẫn còn nợ lại bà 65.000.000 đồng tiền hụi.

Bà xác định ngoài số tiền nợ hụi nêu trên, bà N có trực tiếp hỏi mượn của bà số tiền là 8.000.000 đồng hiện vẫn chưa trả bà.

Bà đã nhiều lần trực tiếp gặp bà N để yêu cầu trả số tiền nợ trên nhưng bà N hứa mà không thực hiện, đối với khoảng nợ này bà N thừa nhận và ký tên trong Tờ tường thuật và cam kết ngày 11/11/2020 mà bà đã gửi tòa án. Bà yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền là nhận bảo lãnh nợ hụi là 65.000.000 đồng và 8.000.000 đồng tiền mượn = 73.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải tại tòa án ngày 26/11/2021 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà xác định bà thống nhất thông tin dây hụi như bà D trình bày, dây hụi này là do mẹ bà là bà Ánh tham gia do bà D làm chủ hụi. Đối với dây hụi này bà xác định bà đồng ý đứng ra bảo lãnh trả cho bà D số tiền nợ hụi của bà Ánh. Bà đồng ý trả cho bà D số tiền nợ hụi đối với dây hụi này là 20.000.000 đồng vì bà chỉ có nợ số tiền hụi là 20.000.000 đồng. Bà thừa nhận bà có mượn bà D số tiền 8.000.000 đồng như bà D trình bày và đồng ý trả cho bà D số tiền trên. Bà xác định bà có ký tên trong Tờ tường thuật và cam kết ngày 11/11/2020 có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bà N xác định bà không biết có việc bà Ánh đã trả cho bà D số tiền nợ hụi hay chưa, bà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi của bà Ánh như nguyên đơn yêu cầu nếu như nguyên đơn chứng minh được có khoảng nợ này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và diễn biến phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 335, 336, 342, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng dân sự tranh chấp bảo lãnh và vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà D là người khởi kiện, bà N là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự bà D là nguyên đơn, bà N là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tấn T vắng mặt nhưng phía bà D xác định bà không thực hiện việc ủy quyền cho ông T tại phiên tòa, yêu cầu được tiếp tục giải quyết vụ án vắng mặt ông T. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ từ giao dịch bảo lãnh trả nợ và giao dịch vay tài sản hiện phía bị đơn vẫn chưa thanh toán xong đối với nguyên đơn. Phía bị đơn thừa nhận có bảo lãnh trả nợ và vay như nguyên đơn trình bày, thừa nhận hiện vẫn còn thiếu nguyên đơn số tiền bảo lãnh và tiền vay. Tuy nhiên, bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ hui là 20.000.000 đồng và vay là 8.000.000 đồng, không đồng ý số tiền nợ hui 73.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ của bà N đối với bà D cho khoảng nợ của bà Ánh là khách quan thực tế có xảy ra được các bên thừa nhận, thông tin dây hui dẫn đến số tiền bảo lãnh được các bên thống nhất. Tuy nhiên, bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nhận bảo lãnh là 20.000.000 đồng thay vì 65.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Điều này thể hiện việc bảo lãnh nhận nợ và hiện chưa thanh toán xong nghĩa vụ thanh toán giữa các bên là thực tế, bị đơn không có chứng cứ để chứng minh về việc mình còn nợ nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng. Trong khi đó, nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu của mình bằng việc thông tin dây hui được bị đơn thừa nhận, Tờ tường thuật và cam kết ngày 11/11/2020 được bà N thừa nhận có nội dung chứa đựng thông tin về số nợ như nguyên đơn yêu cầu. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2021 được tòa án thực hiện, bà Phạm Hồng Vẹn, Phạm Thị Ngoan, Trương Cẩm Tú là những người có tham gia chơi hui cùng bà Ánh đối với dây hui trên có xác định bà Ánh có nợ số tiền hui như nguyên đơn trình bày; lời khai của ông Võ Văn Bình xác định ông có quan hệ họ hàng với bà N và ông biết việc bà N có bảo lãnh cho bà Ánh trả tiền nợ hui cho bà D với số tiền nợ hui như nguyên đơn yêu cầu. Như vậy, có căn cứ để xác định số tiền nợ hui của bà Ánh đối với bà D do bà nhang bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ là 85.000.000 đồng, tuy nhiên các bên thừa nhận bà N đã thanh toán được 4 lần là 20.000.000 đồng nên hiện còn nợ lại 65.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận. Số nợ này hoàn toàn phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền vay 8.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu được bị đơn thừa nhận nên nguyên đơn không cần chứng minh, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay này.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở kết luận: Việc bà nhang còn nợ bà D số tiền nợ từ việc bảo lãnh nghĩa vụ bà Ánh là 65.000.000 đồng, nợ vay là 8.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị N phải chịu là $73.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.650.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm. T bộ yêu cầu của bà D được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 146, Điều 147, Điều 196, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 220, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335, 336, 342, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Hồng D số tiền 73.000.000 (bảy mươi ba triệu) đồng; trong đó, nợ bảo lãnh là 65.000.000 đồng, nợ vay là 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Hồng D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N không thi hành xong khoản tiền trên, bà Nguyễn Thị N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 3.650.000 đồng. Bà Nguyễn Hồng D được nhận lại số tiền 1.950.000 đồng theo biên lai thu số 0005154 ngày 23/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp